

Họ và tên: _____

Ngày: _____

TOÁN TƯ DUY

Bài 1: Cho các phép tính.

$8 + 7$

$20 - 10$

$5 + 9$

$11 + 6$

$2 + 18$

$4 + 5$

$19 - 12$

a. Sắp xếp các phép tính trên theo thứ tự kết quả tăng dần.

b. Sắp xếp các phép tính trên theo thứ tự kết quả giảm dần.

Bài 2: Quan sát quy luật và điền số vào ô trống.

a

0

1

3

6

10

21

b

1

3

4

7

29

c

1

3

4

6

7

10

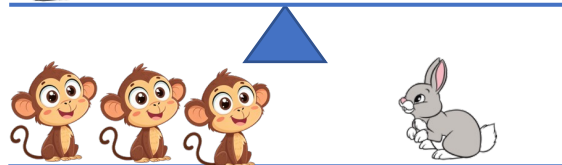
Bài 3: Hãy sắp xếp các hình dưới đây theo quy luật đến hình số 24 là hình nào?



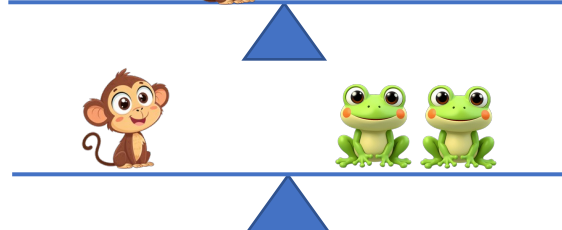
Bài 4: Quan sát quy luật điền số vào chỗ trống.



nặng bằng



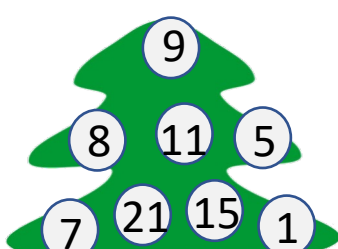
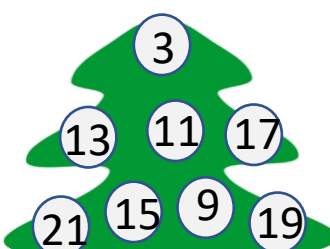
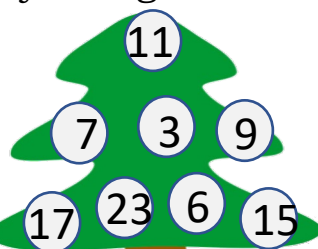
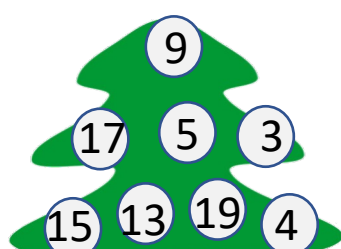
nặng bằng



nặng bằng

nặng bằng

Bài 5: Khoanh tròn cây thông có chứa các số lẻ.



Bài 6: Cho các thẻ số như phía dưới tổng hai số lớn nhất là bao nhiêu?

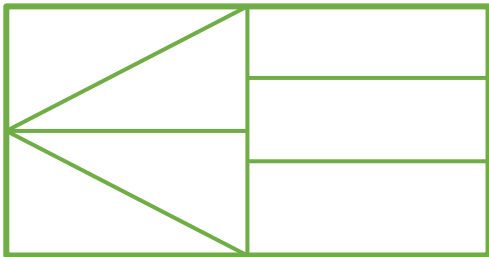


- a. 13
- b. 15
- c. 17
- d. 16

Bài 7: Đếm hình chữ nhật và tam giác.

Hình tam giác _____

Hình chữ nhật _____



Bài 8: Nối phép tính với hình tròn thích hợp.

11 < ○ < 13

19 > ○ > 17

12 < ○ < 14

10 > ○ > 8

8 + 8

12 + 7

20 - 11

16 - 4

7 + 7

5 + 15

9 + 6

18 - 5

15 > ○ > 13

14 < ○ < 16

20 > ○ > 18

19 < ○ < 21

Bài 9: Quan sát tranh khoanh tròn bạn đứng ở vị trí số lẻ lớn nhất trong hàng và gạch bỏ bạn đứng sau bạn đứng chính giữa.



Bài 10: Mỗi chiếc túi đựng được số chiếc kẹo bằng nhau với số kẹo cho ở bên dưới thì mỗi chiếc túi sẽ đựng được bao nhiêu cái kẹo.



Bài 11: Điền số còn thiếu.

..... + 2 = 15	17 - = 3	0 + > 9	6 + < 11
..... + 7 = 16	15 - = 1	2 + 11 <	 - 8 = 10
14 - = 6	 + 3 = 16	17 - 3 >	7 + > 14
6 + = 18	 - 9 = 11	9 < 2 +	6 + 9 <
..... - 5 = 11	8 + = 16	13 > - 2	14 = + 3

Bài 12: Thực hiện các yêu cầu sau.

a. Khoanh vào phép tính có kết quả nhỏ nhất.

a. $13 + 5$ b. $20 - 1$ c. $23 - 13$ d. $9 + 8 - 3$ e. $16 - 7 + 2$

b. Khoanh vào phép tính có kết quả lớn nhất.

a. $13 + 9$ b. $29 - 5$ c. $19 + 7$ d. $16 + 7$ e. $4 + 17$

c. Khoanh vào phép tính có kết quả giống nhau.

a. $5 + 14$ b. $13 + 3$ c. $9 + 12$ d. $16 - 7$ e. $7 + 12$

Bài 13: Điền dấu +, - thích hợp vào ô trống.

19		7		3	=	15
----	--	---	--	---	---	----

14		8		6	=	12
----	--	---	--	---	---	----

6		5		8	=	19
---	--	---	--	---	---	----

18		6		3	=	9
----	--	---	--	---	---	---

Bài 14: Điền dấu >, <, = thích hợp vào chỗ trống.

$$3 + 9 + 2 \dots\dots 7 + 3 + 4$$

$$8 - 5 + 10 \dots\dots 12 + 6 - 3$$

$$11 + 7 - 5 \dots\dots 20 - 5 + 1$$

$$20 + 1 - 10 \dots\dots 8 - 8 + 10$$

$$6 + 14 + 3 \dots\dots 2 + 20 + 0$$

$$9 + 9 - 5 \dots\dots 6 + 9 + 2$$

Bài 15: Điền số.

$$2 + 9 = \triangle + 5$$

$$\triangle + \square = 18 - 8$$

$$\bigcirc + \square = 15 - \triangle$$

$$\bigcirc + \triangle + \square =$$

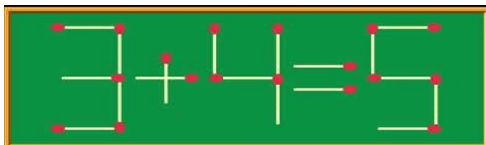
$$\square + 8 = 5 + 12$$

$$7 + \bigcirc = \square + 3$$

$$\bigcirc + \triangle = 21 - 11$$

$$\square + \bigcirc + \triangle =$$

Bài 16: Thay đổi một que diêm để được phép tính đúng, viết lại phép tính cho đúng.



--	--	--	--	--

Bài 17: Hà, Lan, Chi và Quỳnh mỗi bạn có 3 trái táo. Sau đó mỗi bạn ăn hết 2 quả táo. Hỏi bây giờ 4 bạn còn bao nhiêu quả táo?

Trả lời: Bốn bạn còn _____ trái táo.



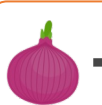
Bài 18: Cho các chữ số 2, 5, 4, 7, 8. Điền các số vào ô trống sao cho hàng và cột có kết quả bằng nhau.

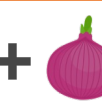
Bài 19: An đã chia táo cho mình và 5 người bạn khác. Biết mỗi người được một nửa quả táo. Hỏi An đã chia mấy quả táo?

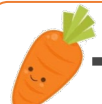
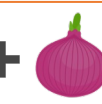
Trả lời: An đã chia ____ quả táo.

Bài 20: Điền số thích hợp vào ô trống.

 +  = 16

 +  = 12

 +  +  = 14

Hỏi:  +  +  =

Bài 21: Mỗi ngôi nhà tương ứng với 1 mã số. Quan sát và khoanh tròn vào đáp án đúng.



A . 723

B . 327

C . 372

Bài 22: Các số khi cộng ở 3 ô liền nhau đều có kết quả bằng 15. Dấu hỏi chấm là số nào?

		5				6					?
--	--	---	--	--	--	---	--	--	--	--	---

a. 4

b. 7

c. 6

d. 5

e. 3

Bài 23: Nối các phép tính có kết quả giống nhau.

$6 + 5 + 1$

$3 + 10 + 1$

$8 - 5 + 5$

$11 + 0 - 7$

$9 + 2 - 8$

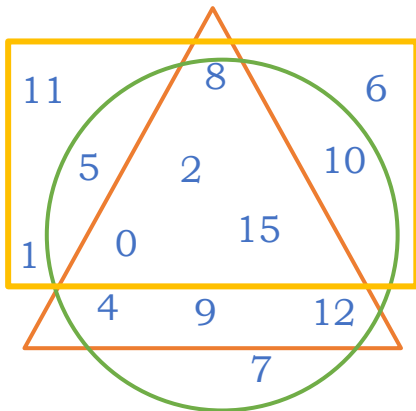
$7 + 2 + 3$

$11 + 2 - 5$

$17 - 3 - 0$

Bài 24: Quan sát hình và trả lời các câu hỏi.

- Có bao nhiêu chữ số ở trong cả 3 hình. Hình tam giác, hình tròn và hình chữ nhật _____
- Có bao nhiêu chữ số chỉ nằm trong hình tròn và hình chữ nhật _____
- Lấy số lớn nhất chỉ nằm trong hình chữ nhật trừ đi chữ số duy nhất chỉ xuất hiện trong hình tròn. Ta được kết quả là _____



Bài 25: Điền số thích hợp vào các bông hoa.

$7 + \text{flower} = 16 - 3$

$4 + 7 < 13 - \text{flower}$

$6 + 9 > 3 + \text{flower}$

Họ và tên: _____

Ngày: _____

TOÁN TƯ DUY

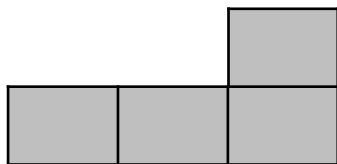
Bài 1: Cho các số 12, 15, 11, 10, 17, 16. Hãy sắp xếp các số theo thứ tự.

a. Từ bé đến lớn.

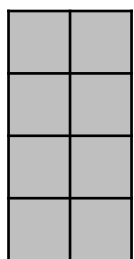
b. Từ lớn đến bé.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

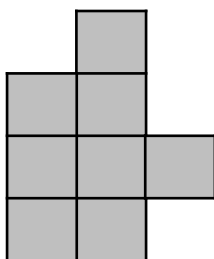
Bài 2: An có rất nhiều mẫu hình chữ L dưới đây.



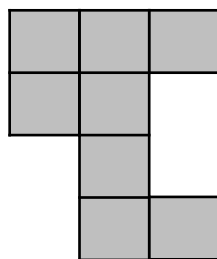
Hỏi An xếp được bao nhiêu hình từ hình chữ L phía bên trên?



a. 0

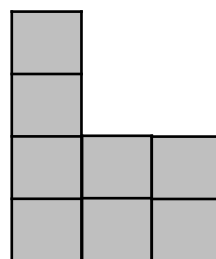


b. 1



c. 2

d. 3

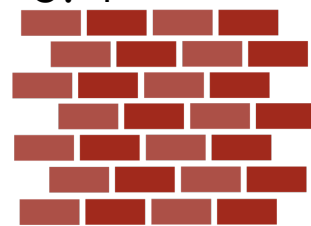
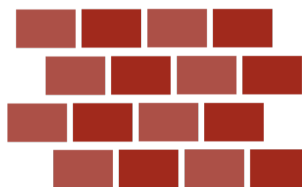


e. 4

Bài 3:

Bức tường A ít hơn bức tường

B _____ viên gạch.



Bài 4: Điền các số thích hợp vào ô trống sao cho khi cộng ba số ở 3 ô liên tiếp đều có kết quả bằng 12.

			4				
				6	4		

Bài 5: Điền các số 1, 2, 3, 4, 5, 6 vào các ô trống theo hàng và cột có kết quả bằng 12. Lưu ý mỗi số chỉ được sử dụng một lần.

Bài 6: Một con bọ rùa muốn đậu lên một bông hoa có 5 cánh và 3 chiếc lá. Nó sẽ đậu lên bông hoa nào?

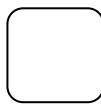


Bài 7: Các bạn nhỏ đứng trong hàng phía dưới. Khi nhìn vào hình bên trái Hải có 3 bạn và bên phải Nhi có 2 bạn. Có bao nhiêu bạn đứng giữa Hải và Nhi?



- a. 0 b. 1 c. 2 d. 3 e. 4

Bài 8: Có 1 sợi dây thừng như hình dưới sau đó người ta cắt theo đường nét đứt. Hỏi sau khi cắt có bao nhiêu sợi dây nhỏ được tạo ra?

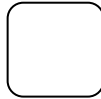


Bài 9: Một gia đình có 5 chị e gái. Nga lớn hơn Oanh 2 tuổi nhưng nhỏ hơn Hà 2 tuổi. Lan hơn Chi 3 tuổi. Chi và Oanh là hai chị em sinh đôi. Hỏi ai là chị cả?

- a. Oanh b. Hà
c. Chi d. Lan e. Nga



Bài 10: Hình bên còn thiếu bao nhiêu ô nhỏ nữa để tạo thành 1 hình hoàn chỉnh?

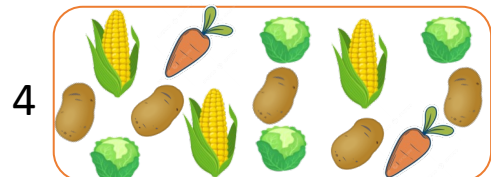
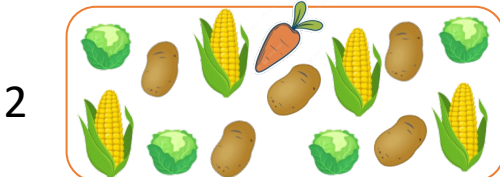
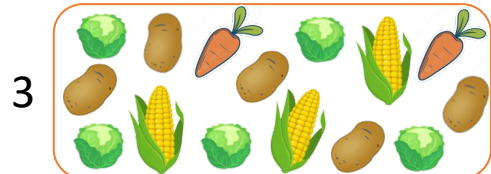
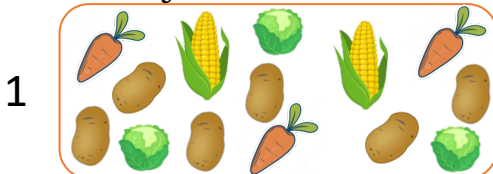


Bài 11: Số.

$\square + \square = 17$	$\square - \square = 12$	$\square + \square = 17$
$\begin{array}{c} + \\ \square + \square = 9 \end{array}$	$\begin{array}{c} + \\ \square - \square = 1 \end{array}$	$\begin{array}{c} - \\ \square + \square = 14 \end{array}$
$\begin{array}{c} \\ 11 \end{array}$	$\begin{array}{c} \\ 22 \end{array}$	$\begin{array}{c} \\ 4 \end{array}$
$\begin{array}{c} \\ 15 \end{array}$	$\begin{array}{c} \\ 9 \end{array}$	$\begin{array}{c} \\ 21 \end{array}$

Bài 12: Nhóm hình nào dưới đây có đủ các yêu cầu sau.

- Cà rốt là số chẵn .
- Bắt cái nhiều hơn cà rốt 2.
- Ngô ít hơn bắt cái 1.
- Khoai tây là số lẻ liền trước 7.



Bài 13: Điền số thích hợp.

$$M = 8$$

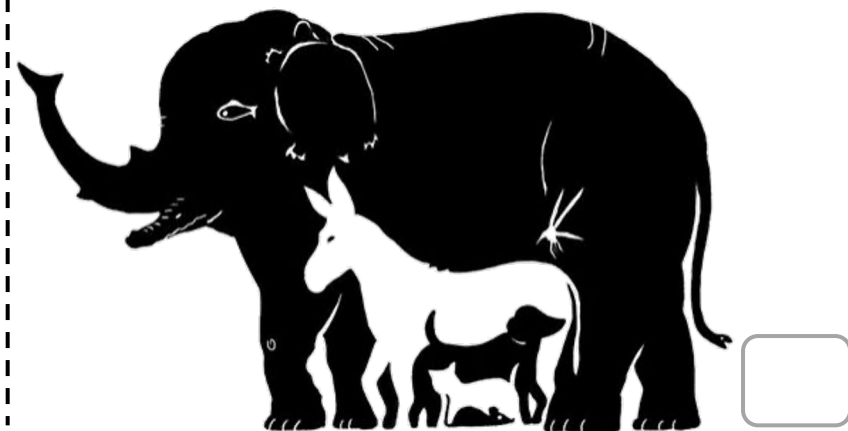
$$A = M - 3$$

$$T = 7$$

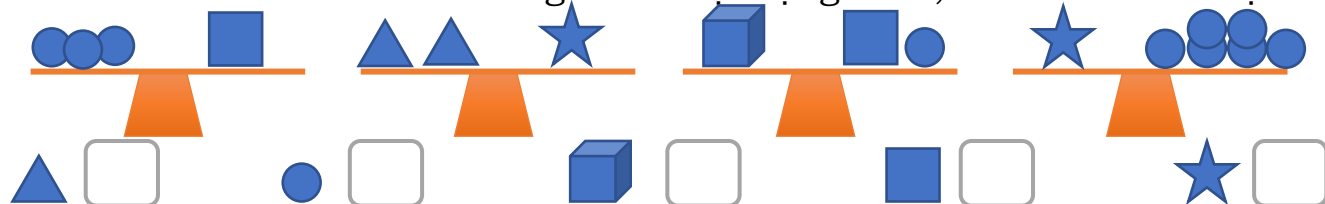
$$H = T - A$$

$$MATH =$$

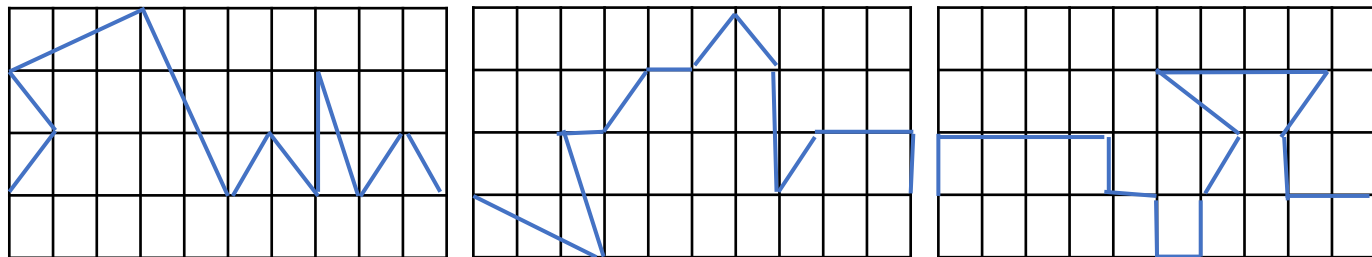
Bài 14: Hình dưới có bao nhiêu con vật?



Bài 15: Đánh dấu ✓ vào ô vuông chứa loại nặng nhất, dấu ✗ vào ô nhẹ nhất.



Bài 16: Đường nào ngắn nhất dưới đây, gạch chéo hình chứa đường đó.



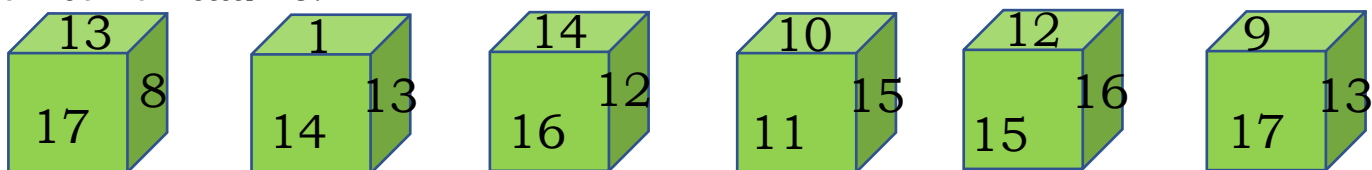
Bài 17: Điền dấu +, - thích hợp.

12		5		3	=	14
14		4		1	=	11
16		3		2	=	17
8		5		7	=	20

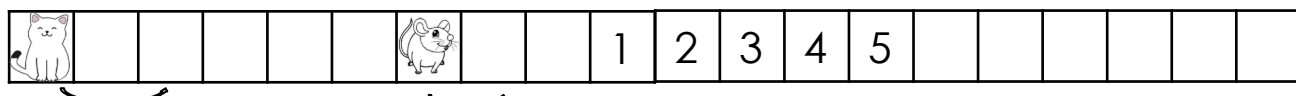
Bài 18: Tìm quy luật và điền số vào nhóm thứ 3.

(9; 10; 7) : (7; 12; 8) : (__; __; __) : (3; 16; 10)

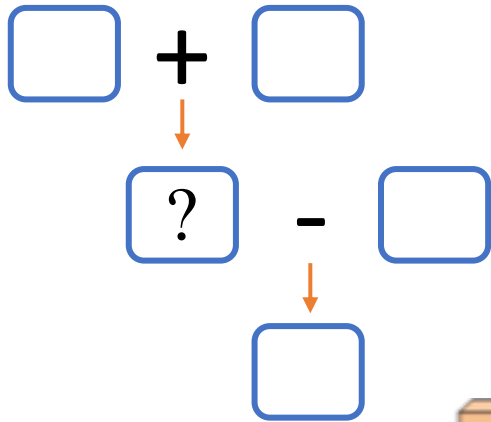
Bài 19: Khoanh tròn vào nhóm có các số lớn hơn số tròn chục nhỏ nhất và nhỏ hơn số liền sau 16.



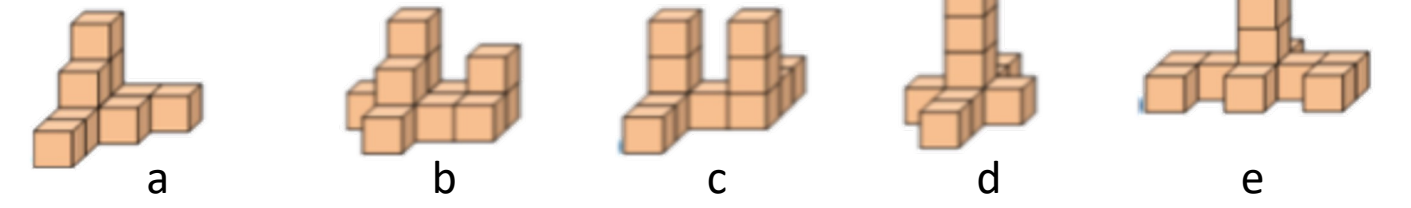
Bài 20: Mèo và Chuột cùng chạy về phía bên phải, Chuột mỗi lần bước 1 ô, Mèo mỗi lần bước 2 ô. Hỏi Mèo đuổi kịp Chuột vào ô thứ mấy?



Bài 21: Điền các số 1, 2, 3, 4, 5 vào các ô vuông thích hợp? Hỏi ô vuông có dấu ? là số nào?



Bài 22: Hình nào dưới đây có 10 khối lập phương?



Bài 23: Số.

$7 + \square - 3 < 11$

$12 + 1 = \square + \square$

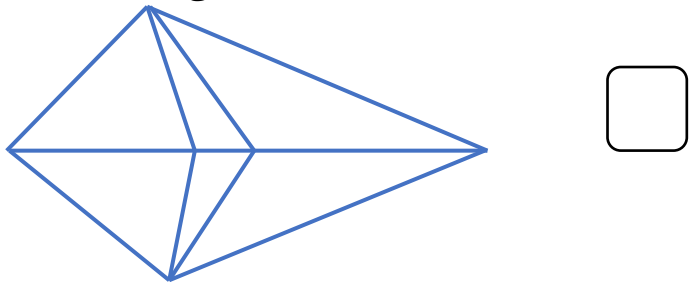
$14 + \square > 20$

$15 > \square - 5$

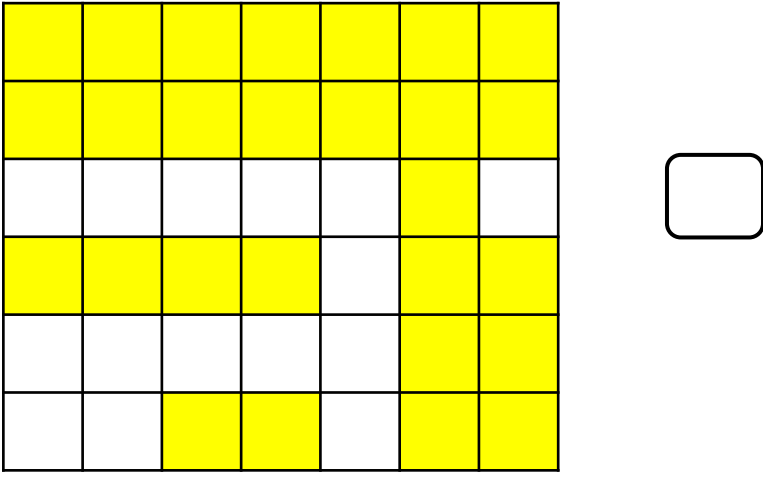
$\square + 9 < 20 - 4$

$\square - 7 + 1 < 15$

Bài 24: Có bao nhiêu hình tam giác.



Bài 25: Hình vuông màu nhiều hơn hình vuông trắng bao nhiêu hình?



Bài 26: Điền số thích hợp vào chỗ trống.

- a. 11; 13; ____; ____; 19

b. 20; ____; 16; 14; ____

c. 3; 3; 4; 6; 9; ____; ____
- d. 0; 4; 8; 12; ____; ____

e. 0; 2; 2; 4; 6; ____; ____

f. 9; 10; 12; 15; ____; ____